**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THCS THCS LÊ LỢI**  **TỔ: TỰ NHIÊN 1** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC : TOÁN**

(Năm học 2024 - 2025)

**1. Đặc điểm tình hình**

**1.1. Số lớp: 15 . ; Số học sinh: ;**

**1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 6**; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0; Đại học: 6; Trên đại học: 0.

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt: 6; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

**1.3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)*

**Lớp 6:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Máy tính cầm tay | 1 cái/HS | Sử dụng máy tính cầm tay |  |
| 2 | Thước thẳng, thước dây, compa, máy tính cầm tay, tờ bìa A4, giấy màu các loại, kéo, hồ dán, bút chì, bút màu hoặc sáp màu | Mỗi loại thiết bị (1 cái)/ 1 nhóm HS (6-8 em) | Tấm thiệp và phòng học của em |  |
| 3 | Máy vi tính cài sẵn phần mềm GEOGEBRA | 1 máy/2HS | Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA |  |
| 4 | Thước thẳng, giấy A4, bút chì, bút màu, máy tính cầm tay | Mỗi loại thiết bị (1 cái)/ 1 HS | Kế hoạch chi tiêu cá nhân và gia đình |  |
| 5 | Máy tính, máy in, mạng Internet, giấy, bút, thước kẻ, danh sách học sinh toàn trường | Mỗi loại thiết bị (1 cái)/ 1 nhóm HS (6-8 em) | Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè |  |

**Lớp 7 :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Bộ thước (eke, thước đo góc, thước thẳng) | 1 | Dùng thường xuyên cho các bài hình học |  |
| 2 | Máy tính bỏ túi Casio | 1 | Dùng thường xuyên cho các bài Số và Đại số |  |
| 3 | Phòng máy | 1 | HĐTN: Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra |  |
| 4 | Thước thẳng | 1 | Dùng thường xuyên cho các bài học |  |
| 5 | Bảng phụ | 6 | Dùng thường xuyên cho các bài học |  |
| 6 | Tivi | 1 | Dùng thường xuyên cho các bài học |  |
| 7 | Kéo, giấy màu, bìa cứng, keo dán hoặc băng dính | 1 | HĐTN: Vòng quay may mắn.  Hộp quà và chân đế lịch. |  |

**Lớp 8 :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Máy tính, ti vi kết nối mạng tại các phòng học. | bộ | Dùng cho các tiết dạy có ứng dụng CNTT |  |
| 2 | Thước kẻ, Eke, compa của giáo viên | bộ | Dụng cụ vẽ hình dùng cho các tiết hình học |  |
| 3 | Bìa giấy cứng, keo dán, dụng cụ thủ công | bộ | Dùng cho các tiết tạo hình, hoạt động trải nghiệm |  |

**Lớp 9**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Máy tính, ti vi kết nối mạng tại các phòng học. | bộ | Dùng cho các tiết dạy có ứng dụng CNTT |  |
| 2 | Thước kẻ, Eke, compa của giáo viên | bộ | Dụng cụ vẽ hình dùng cho các tiết hình học |  |
| 3 | Bìa giấy cứng, keo dán, dụng cụ thủ công | bộ | Dùng cho các tiết tạo hình, hoạt động trải nghiệm |  |

**1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Phòng bộ môn Tin học | 01 | Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA |  |
| 2 | Phòng học | 01 | Tấm thiệp và phòng học của em |  |
| 3 | Sân chơi | 01 | Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè |  |

**Lớp 7 :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Phòng bộ môn Tin học | 01 | Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA |  |
| 2 | Phòng học | 01 | Tấm thiệp và phòng học của em |  |
| 3 | Sân chơi | 01 | Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè |  |

**Lớp 8 :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** |
| 1 | Phòng Tin học | 01 | Thực hành phần mềm GEOGEBRA  Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm Excel |
| 2 | Lớp học | 01 | Công thức tính lãi kép  Phân tích đặc điểm khí hậu Việt Nam  Một vài ứng dụng của hàm số bậc nhất trong tài chính |
| 3 | Sân trường | 01 | Ứng dụng định lí Thalès, định lí Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao, khoảng cách |

**Lớp 9**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Phòng Tin học | 01 | Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA |  |
| 2 | Lớp học | 01 | **Hoạt động thực hành trải nghiệm**  Gene trội trong các thế hệ lai |  |
| 3 | Sân trường | 01 | Đo chiều cao của cây trụ cờ |  |

**2. Kế hoạch dạy học**

**2.1. Phân phối chương trình**

**Lớp 6 :**

**Cả năm:** 35 tuần x 4 tiết = 140 tiết.

**HK1:** 18 tuần x 4 tiết = 72 tiết.(20 tiết hình học)

**HK2:** 17 tuần x 4 tiết = 68 tiết(16 tiết hình học)

**HỌC KÌ 1**

| **Phân môn** | **Tiết**  **PPCT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Thời điểm** | | **Yêu cầu cần đạt** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số học | 1 | **Chương I. Tập hợp các số tự nhiên**  *Bài 1.* Tập hợp | 1 | Tuần 1 | | - Nhận biết tập hợp và các phần tử của nó.  - Mô tả một tập hợp (cho một tập hợp).  - Sử dụng kí hiệu và cách diễn đạt toán học nhờ tập hợp. |
| Số học | 2 | *Bài 2.* Cách ghi số tự nhiên | 1 | - Nhận biết giá trị các chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân.  1- Biểu diễn mỗi số tự nhiên thành tổng giá trị các chữ số của nó.  - Đọc và viết số La Mã từ 1 đến 30. |
| Số học | 3 | *Bài 3.* Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên | 1 | - Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên.  - So sánh hai số tự nhiên. |
| Hình | 1 | **Chương IV. Một số hình phẳng trong thực tiễn**  *Bài 18.* Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều **(Tiết 1)** | 3 | - Nhận dạng các hình trong bài.  - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều.  - Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.  - Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều. |
| Số học | 4 | *Bài 4.* Phép cộng và phép trừ số tự nhiên | 1 | Tuần 2 | | - Thực hiện phép cộng và phép trừ số tự nhiên.  - Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép cộng và phép trừ. |
| Số học | 5-6 | *Bài 5.* Phép nhân và phép chia số tự nhiên | 2 | - Thực hiện phép nhân hai số tự nhiên.  - Thực hiện phép chia hai số tự nhiên (chia hết và chia có dư).  - Áp dụng tính chất của phép nhân và phép chia trong tính toán ( tính nhẩm, tính hợp lí).  - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép nhân và phép chia số tự nhiên. |
| Hình | 2 | *Bài 18.* Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều **(Tiết 2)** | 3 | - Nhận dạng các hình trong bài.  - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều.  - Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.  - Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều. |
| Số học | 7 | Luyện tập chung | 1 | Tuần 3 | | - Củng cố kiến thức từ bài 1 đến bài 5, lựa chọn các bài tập để luyện tập bổ sung nâng cao kĩ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kĩ năng của các bài học lại với nhau. |
| Số học | 8-9 | *Bài 6.* Lũy thừa với số mũ tự nhiên | 1 | - Thực hiện phép tính nâng lên lũy thừa với số mũ tự nhiên.  - Nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.  - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên. |
| Hình | 3 | *Bài 18.* Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều **(Tiết 3)** | 3 | - Nhận dạng các hình trong bài.  - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều.  - Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.  - Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều. |
| Số học | 10 | *Bài 7*. Thứ tự thực hiện các phép tính | 1 | Tuần 4 | | - Nhận biết thứ tự thực hiện các phép tính.  - Tính giá trị của một biểu thức. |
| Số học | 11-12 | Luyện tập chung và ôn tập chương I | 2 | - Củng cố kiến thức và chữa các bài tập của hai bài Lũy thừa với số mũ tự nhiên và Thứ tự thực hiện các phép tính, bổ sung các bài tập có nội dung tổng hợp, liên kết kiến thức nhiều bài học.  - Củng cố những khái niệm, tính chất quan trọng đã được đề cập trong cả chương.  - Vận dụng các tính chất để giải các bài tập tổng hợp, có thể dùng đồng thời các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau. |
| Hình | 4 | *Bài 19.* Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân **(Tiết 1)** | 3 | - Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.  - Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. |
| Số học | 13-14 | **Chương II. Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên**  *Bài 8.* Quan hệ chia hết và tính chất | 2 | Tuần 5 | | - Nhận biết quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.  - Tìm các ước và bội của một số tự nhiên.  - Nhận biết tính chia hết của một tổng cho một số. |
| Số học | 15 | *Bài 9.* Dấu hiệu chia hết **(Tiết 1)** | 2 | - Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2; 5; 9; 3 hay không. |
| Hình | 5 | *Bài 19.* Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân **(Tiết 2)** | 3 | - Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.  - Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. |
| Số học | 16 | *Bài 9.* Dấu hiệu chia hết **(Tiết 2)** | 2 | Tuần 6 | | - Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2; 5; 9; 3 hay không. |
| Số học | 17-18 | *Bài 10.* Số nguyên tố | 2 | - Nhận biết khái niệm số nguyên tố và hợp số.  - Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. |
| Hình | 6 | *Bài 19.* Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân **(Tiết 3)** | 3 | - Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.  - Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. |
| Số học | 19 | Luyện tập chung | 1 | Tuần 7 | | Củng cố, rèn luyện kĩ năng:  - Tìm các ước và bội.  - Vận dụng tính chất chia hết của một tổng.  - Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3.  - Phân tích một số tự nhiên lớn nhỏ thành tích các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột |
| Số học | 20-21 | *Bài 11.* Ước chung. Ước chung lớn nhất | 2 | - Xác định ước chung, ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên đã cho.  - Nhận biết phân số tối giản. |
| Hình | 7 | *Bài 20.* Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học **(Tiết 1)** | 3 | - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang. |
| Số học | 22-23 | *Bài 12.* Bội chung. Bội chung nhỏ nhất | 2 | Tuần 8 | | - Tìm bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên.  - Sử dụng bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu các phân số và cộng, trừ phân số. |
| Số học | 24 | Luyện tập chung | 1 | Củng cố, rèn luyện kĩ năng:  - Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.  - Tìm ƯCLN và BCNN.  - Vận dụng ƯCLN và BCNN trong một số bài toán thức tiễn. |
| Hình | 8 | *Bài 20.* Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học **(Tiết 2)** | 3 | - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang. |
| Số học | 25 | Ôn tập chương II | 1 | Tuần 9 | | - Củng cố kiến thức chương 2, tổng hợp có hệ thống về tính chất chia hết trong tập hợp các số tự nhiên, số nguyên tố, hợp số, ước và bội, ước chung và ƯCLN, bội chung và BCNN.  - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài toán vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn |
| Số học | 26 -27 | **Kiểm tra giữa HK1** | 2 | Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh  - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề,, năng lực tư duy, sáng tạo. |
| Hình | 9 | Luyện tập chung **(Tiết 1-** ôn tập KTGK I **)** | 3 | - Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học.  - Nắm vững công thức tính diện tích, chu vi của các tứ giác đã học.  - Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang |
| Số học | 28-29 | **Chương III. Số nguyên**  *Bài 13.* Tập hợp các số nguyên | 2 | Tuần 10 | | . – Nhận biết, đọc và viết số nguyên.  - Nhận biết tập hợp số nguyên.  - Nhận biết ý nghĩa của số nguyên âm trong một số tình huống thực tế.  - Biểu diễn số nguyên trên trục số.  - So sánh hai số nguyên. |
| Số học | 30 | *Bài 14.* Phép cộng và phép trừ số nguyên  **(Tiết 1)** | 3 | - Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên.  - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí.  - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hay trừ hai số nguyên. |
| Hình | 10 | *Bài 20.* Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học **(Tiết 3)** | 2. | - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang. |
| Số học | 31-32 | *Bài 14.* Phép cộng và phép trừ số nguyên  **(Tiết 2,3)** | 3 | Tuần 11 | | - Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên.  - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí.  - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hay trừ hai số nguyên. |
| Số học | 33 | *Bài 15.* Qui tắc dấu ngoặc | 1 | - Nhận biết và áp dụng quy tắc dấu ngoặc trong tính toán, nhất là để tính nhẩm hay tính hợp lí. |
| Hình | 11 | Luyện tập chung  **( tiết 2)** | 1 | - Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học.  - Nắm vững công thức tính diện tích, chu vi của các tứ giác đã học.  - Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang. |
| Số học | 34-35 | Luyện tập chung | 2 | Tuần 12 | | - Củng cố kiến thức, chữa các bài tập của các bài từ 13 đến 15, lựa chọn các bài tập để luyện tập bổ sung nâng cao kĩ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kĩ năng của các bài học lại với nhau. |
| Số học | 36 | *Bài 16.* Phép nhân số nguyên **(Tiết 1)** | 2 | - Thực hiện phép nhân hai số nguyên.  - Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lí.  - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép nhân số nguyên. |
| Hình | 12 | Ôn tập chương IV | 1 | - Ôn tập, tổng kết đước toàn bộ các bài học trong chương và luyện tập được kĩ năng vẽ hình, tính toán về chu vi, diện tích các tứ giác gần với các bài tập thực tế. |
| Số học | 37 | *Bài 16.* Phép nhân số nguyên **(Tiết 2)** | 2 | Tuần 13 | | - Thực hiện phép nhân hai số nguyên.  - Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lí.  - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép nhân số nguyên. |
| Số học | 38 | *Bài 17.* Phép chia hết. Ước và bội của một số nguyên |  | - Thực hiện phép chia hết đối với số nguyên.  - Nhận biết quan hệ chia hết trong tập số nguyên.  - Nhận biết, tìm ước và bội của một số nguyên. |
| Số học | 39 | Luyện tập chung **(Tiết 1)** | 2 | - Nâng cao và kết nối các kiến thức, kĩ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ, nhân và chia (hết). |
| Hình | 13 | *Bài 21.* Hình có trục đối xứng **(Tiết 1)** | 2 | - Nhận biết hình có trục đối xứng.  - Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy.  - Gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản |
| Số học | 40 | Luyện tập chung **(Tiết 2)** | 2 | Tuần 14 | | - Nâng cao và kết nối các kiến thức, kĩ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ, nhân và chia (hết). |
| Số học | 41 | Ôn tập chương III | 1 | - Củng cố kiến thức toàn toàn chương 3.  - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài toán vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn. |
| TH-TN | 42 | Sử dụng máy tính cầm tay | 1 | - Sử dụng máy tính cầm tay để thực hành các phép tính đã học với số tự nhiên, số nguyên, số thập phân. |
| Hình | 14 | *Bài 21.* Hình có trục đối xứng **(Tiết 2)** | 2 | - Nhận biết hình có trục đối xứng.  - Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy.  - Gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản |
| TH-TN | 43-44 | Tấm thiệp và phòng học của em | 2 | Tuần 15 | | - Ứng dụng các kiến thức đã học về các hình phẳng trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong cuộc sống như mĩ thuật, thủ công, xác định phòng học đạt mức chuẩn về ánh sáng, … |
| Hình | 15-16 | *Bài 22.* Hình có tâm đối xứng | 2 | - Nhận biết hình có tâm đối xứng.  - Nhận biết tâm đối xứng của một số hình đơn giản.  - Gấp giấy để cắt được một số hoa văn trang trí hoặc một số hình có tâm đối xứng đơn giản. |
| Số học | 45-46 | **Chương VI. Phân số**  *Bài 23.* Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau | 2 | Tuần 16 | | - Nhận biết phân số với tử và mẫu là các số nguyên.  - Nhận biết hai phân số bằng nhau, quy tắc bằng nhau của hai phân số.  - Nêu và áp dụng hai tính chất cơ bản của phân số.  - Rút gọn phân số. |
| Hình | 17-18 | Luyện tập chung | 2 | - Nhắc lại được khái niệm hình có trục đối xứng và hình có tâm đối xứng.  - Tìm được trục đối xứng và tâm đối xứng của một số hình đơn giản.  - Khôi phục được hình có trục đối xứng hoặc tâm đối xứng ( dơn giản) từ một phần cho trước. |
| Hình | 19-20 | Ôn tập chương V | 2 | Tuần 17 | | - Củng cố lại kiến thức toàn chương.  - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài tập, kết hợp các kĩ năng đã thực hành để giải quyết các bài toán cụ thể.  - Linh hoạt với các hoạt động trải nghiệm đơn giản để tạo hứng khởi cho học sinh |
| Số học | 47-48 | Ôn tập cuối HKI | 2 | - Hệ thống và củng cố các kiến thức cơ bản  - Rèn luyện kỹ năng giải bài tập  - Nâng cao khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.  - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp,hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo. |
|  | **49-50** | **Kiểm tra cuối HK1** | 2 | Tuần 18 | | Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh  - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp,hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo. |
| TH-TN | 51-52 | Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA | 2 | - Sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ các hình đơn giản như điểm, đoạn thảng, góc, … đến các hình đẹp như tam giác đều, hình chữ nhật, hình vuông, hình tròn, … và đặc biệt là các hình có tính chất đối xứng. |
|  | | | | |
| Số học | 53-54 | *Bài 24.* So sánh phân số. Hỗn số dương | 2 | Tuần 19 | | - Nhận biết được cách quy đồng mẫu nhiều phân số.  - Nhận biết được hỗn số dương.  - Biết cách quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số.  - So sánh được hai phân số cùng mẫu và khác mẫu.  - Vận dụng giải các bài toán thực tiễn có liên quan. |
| Số học | 55 | Luyện tập chung **(Tiết 1)** | 2 | Củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng về:  - Quy tắc bằng nhau của hai phân số, tính chất cơ bản của phân số  - Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số |
| Hình | 21 | **Chương VIII. Những hình hình học cơ bản**  *Bài 32.* Điểm và đường thẳng **(Tiết 1)** | 3 | - Nhận biết các quan hệ: Điểm thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt |
| Số học | 56-57 | Luyện tập chung **(Tiết 2-3)** | 2 | Tuần 20 | | Củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng về:  - Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số; hỗn số dương;  - Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn. |
| Số học | 58 | *Bài 25.* Phép cộng và phép trừ phân số **(Tiết 1)** | 2 | - Nhận biết được quy tắc cộng phân số.  - Nhận biết số đối của một phân số  - Thực hiện được phép cộng phân số. |
| Hình | 22 | *Bài 32.* Điểm và đường thẳng **(Tiết 2)** | 3 | - Nhận biết được ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng.  - Biết dùng thước thẳng để kiểm tra ba điểm thẳng hàng. |
| Số học | 59 | *Bài 25.* Phép cộng và phép trừ phân số **(Tiết 2)** | 2 | Tuần 21 | | - Nhận biết được quy tắc trừ phân số.  - Thực hiện được phép trừ phân số.  - Nhận biết được các tính chất của phép cộng phân số  - Vận dụng được các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc trong tính toán.  - Vận dụng giải quyết các bài toán thực tiễn có liên quan. |
| Số học | 60-61 | *Bài 26.* Phép nhân và phép chia phân số | 2 | - Nhận biết được quy tắc nhân và chia phân số.  - Thực hiện được phép nhân và chia phân số.  - Nhận biết được các tính chất của phép nhân phân số  - Vận dụng được các tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.  - Vận dụng giải quyết các bài toán có liên quan. |
| Hình | 23 | *Bài 32.* Điểm và đường thẳng **(Tiết 3)** | 3 | - Nhận biết hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau, trùng nhau.  - Giải các bài toán thực tiễn có liên quan |
| Số học | 62 | *Bài 27.* Hai bài toán về phân số | 1 | Tuần 22 | | - Tìm giá trị phân số của một số cho trước.  - Tìm một số khi biết giá trị phân số của nó.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với hai bài toán về phân số. |
| Số học | 63-64 | Luyện tập chung | 2 | Củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng về:  - Phép cộng và phép trừ phân số.  - Phép nhân và phép chia phân số.  - Vận dụng trong tính giá trị của biểu thức có nhiều phép tính.  - Tính giá trị của biểu thức có chứa chữ.  - Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn |
| Hình | 24 | *Bài 33.* Điểm nằm giữa hai điểm. Tia **(Tiết 1)** | 2 | Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm. |
| Số học | 65 | Ôn tập chương VI | 1 | Tuần 23 | | - Ôn tập kiến thức toàn chương.  - Vận dụng kiến thức của chương để chữa và làm các bài tập tổng hợp cuối chương. |
| Số học | 66 | **Chương VII. Số thập phân**  *Bài 28.* Số thập phân | 1 | - Nhận biết số thập phân âm, số đối của một số thập phân.  - So sánh hai số thập phân.  - Sử dụng số thập phân trong một số tình huống thực tiễn. |
| Số học | 67 | *Bài 29.* Tính toán với số thập phân **(Tiết 1)** | 4 | - Nhận biết được quy tắc cộng và trừ số thập phân.  - Thực hiện được các phép tính cộng và trừ số thập phân.  - Vận dụng các tính chất của phép tính trong tính toán.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân. |
| Hình | 25 | *Bài 33.* Điểm nằm giữa hai điểm. Tia **(Tiết 2)** | 2 | - Nhận biết được khái niệm tia, hai tia đối nhau.  - Giải các bài toán thực tế có liên quan. |
| Số học | 68-69-70 | *Bài 29.* Tính toán với số thập phân **(Tiết 2;3; 4)** | 4 | Tuần 24 | | - Nhận biết được quy tắc nhân và chia số thập phân.  - Thực hiện được các phép tính nhân và chia số thập phân.  - Vận dụng các tính chất của phép tính trong tính toán.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân. |
| Hình | 26 | *Bài 34.* Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng **(Tiết 1)** | 2 | - Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng.  - Đọc được tên đoạn thẳng |
| Số học | 71 | *Bài 30.* Làm tròn và ước lượng | 1 | Tuần 25 | | - Làm tròn số thập phân.  - Ước lượng kết quả phép đo, phép tính.  - Vận dụng làm tròn số thập phân trong một số tình huống thực tiễn. |
| Số học | 72-73 | *Bài 31. Một số bài toán về tỉ số phần trăm* | 2 | - Tìm tỉ số hay tỉ số phần trăm của hai số, hai đại lượng.  - Tính giá trị phần trăm của một số cho trước; tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tỉ số phần trăm. |
| Hình | 27 | *Bài 34.* Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng **(Tiết 2)** | 2 | - Nhận biết được đơn vị đo độ dài, độ dài đoạn thẳng.  - Biết đo độ dài của đoạn thẳng, vẽ đoạn thẳng khi biết độ dài.  - Biết so sánh độ dài hai đoạn thẳng.  - Giải các bài toán thực tế có liên quan đến đoạn thẳng và độ dài của đoạn thẳng. |
| Số học | 74 | Ôn tập chương VII . | 1 | Tuần 26 | | - Hệ thống được các kiến thức đã học trong chương và cung cấp một số nội dung có tính chất tổng hợp, liên kết các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau. |
|  | 75,76 | Luyện tập chung ( tiết 1,2). **)( ôn tập GHK 2)** | 2 | - Hệ thống được các kiến thức đã học trong chương và cung cấp một số nội dung có tính chất tổng hợp, liên kết các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau. |
| Hình | 28 | Luyện tập chung **(Tiết 1)** | 2 | - Nắm vững được kiến thức về các quan hệ: điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau, về các khái niệm: tia, đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.  - Nhận biết được và mô tả được bằng lời nói hoặc kí hiệu: điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau.  - Nhận biết được điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm.  - Đọc đúng tên đường thẳng, tia, đoạn thẳng, của đoạn thẳng.  - Đo được độ dài các đoạn thảng cho trước. |
| Số học | 77-78 | **Kiểm tra giữa HK2** | 2 | Tuần 27 | | Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh  - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp,hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo. |
| Hình | 29 | Luyện tập chung **(Tiết 2)** | 2 | - Nắm vững được kiến thức về các quan hệ: điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau, về các khái niệm: tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.  - Nhận biết được và mô tả được bằng lời nói hoặc kí hiệu: điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau.  - Nhận biết được điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm.  - Đọc đúng tên đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng.  - Đo được độ dài các đoạn thảng cho trước. |
| Hình | 30 | *Bài 35.* Trung điểm của đoạn thẳng | 1 | - Nhận biết được trung điểm đoạn thẳng.  - Giải các bài toán thực tế có liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng. |
| TK-XS | 79-80 | **Chương IX. Dữ liệu và xác suất thực nghiệm**  *Bài 38.* Dữ liệu và thu thập dữ liệu | 2 | Tuần 28 | | - Nhận biết các loại dữ liệu, nhận biết tính hợp lí của dữ liệu.  - Thu thập dữ liệu. |
| TK-XS | 81 | *Bài 39.* Bảng thống kê và biểu đồ tranh ( Tiết 1) | 2 | - Hiểu được, đọc và phân tích được bảng thống kê.  - Biểu diễn được dữ liệu vào bảng thống kê. |
| Hình | 31 | *Bài 36.* Góc **(Tiết 1)** | 2 | - Nhận biết góc, đỉnh và cạnh của góc.  - Nhận biết góc bẹt. |
| TK-XS | 82 | *Bài 39.* Bảng thống kê và biểu đồ tranh ( Tiết 2) | 2 | Tuần 29 | | - Hiểu được, đọc và phân tích được bảng thống kê.  - Biểu diễn được dữ liệu vào bảng thống kê. |
| TK-XS | 83-84 | *Bài 40.* Biểu đồ cột ( tiết 1;2) | 2 | - Vẽ được biểu đồ cột từ bảng thống kê cho trước.  - Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột.  - Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ cột. |
| Hình | 32 | *Bài 36.* Góc **(Tiết 2)** | 2 | - Nhận biết điểm nằm trong của một góc. |
| TK-XS | 85-86 | *Bài 41.* Biểu đồ cột kép | 2 | Tuần 30 | | - Vẽ biểu đồ cột kép; đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột kép.  - Nhận ra quy luật đơn giản từ biểu đồ cột kép. |
| TK-XS | 87 | Luyện tập chung( tiết 1) | 2 | - HS được thực hành: Lập phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu; tổng hợp dữ liệu thu được từ các phiếu khảo sát, biểu diễn dưới dạng biểu đồ tranh, bảng thông kê.  - Sử dụng biểu đồ cột, biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu. |
| Hình | 33 | *Bài 37.* Số đo góc **(Tiết 1)** | 2 | - Nhận biết được khái niệm số đo góc.  - Biết dùng thước đo độ để xác định số đo của một góc cho trước.  - So sánh hai góc. |
| TK-XS | 88 | Luyện tập chung( **tiết 2)** | 2 | Tuần 31 | | - HS được thực hành: Lập phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu; tổng hợp dữ liệu thu được từ các phiếu khảo sát, biểu diễn dưới dạng biểu đồ tranh, bảng thông kê.  - Sử dụng biểu đồ cột, biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu. |
| Số học | 89 -90 | *Bài 42.* Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm**( tiết 1;2**) | 2 | - Nhận biết tính không đoán trước về kết quả của một số trò chơi thí nghiệm.  - Liệt kê các kết quả có thể xảy ra trong các trò chơi, thí nghiệm đơn giản.  - Nhận biết một sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm có xảy ra hay không. |
| Hình | 34 | *Bài 37.* Số đo góc **(Tiết 2)** | 2 | Nhận biết được các góc đặc biệt: góc vuông, góc nhọn, góc tù. |
| Số học | 91 | *Bài 43.* Xác suất thực nghiệm | 3 | Tuần 32 | | Biểu diễn khả năng xảy ra một sự kiện theo xác suất thực nghiệm. |
| Số học | 92 | Luyện tập chung | 2 | HS được làm thí nghiệm, thu thập dự liệu (kết quả của thí nghiệm), tính xác suất thực nghiệm của một số sự kiện dựa trên kết quả thu. |
|  | 93 | Ôn tập chương IX. |  | Hệ thống được các nội dung đã học trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan. |
| Hình | 35 | Luyện tập chung | 1 | Nắm vững kiến thức về góc, điểm nằm trong của góc; số đo góc; các góc đặc biệt. |
| TK-XS | 94 | Ôn tập chương IX. | 2 | Tuần 33 | | Hệ thống được các nội dung đã học trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan. |
| TK-XS | 95 | Kế hoạch chi tiêu cá nhân và gia đình | 1 | - Giúp HS làm quen với việc xây dựng một kế hoạch đơn giản về tài chính.  - Áp dụng được các kiến thức về tỉ số phần trăm vào những vấn đề cụ thể trong đời sống. |
|  | 96 | Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè( tiết 1) |  | - Điều tra và phân tích về lựa chọn hoạt động thể thao hè mà học sinh lựa chọn để tư vấn cho nhà trường ( địa phương) trong việc tổ chức các hoạt động thể thao hè trong kỳ nghỉ hè tới |
| Hình | 36 | Ôn tập chương VIII | 1 | Hệ thống được các nội dung trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan. |
| TK-XS | 97 | Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè( tiết 2) | 1 | Tuần 34 | | Thông qua dự án, học sinh luyện tập cách thu thập dữ liệu, tổ chức dữ liệu, xử lí dữ liệu và phân tích dữ liệu. |
| TK-XS | 98-99 | Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA | 2 | Hiểu được tính năng của các hộp công cụ trên giao diện của phần mềm GeoGeba.  - Vẽ được các hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng bằng phần mềm GeoGeba. |
| TH-TN | 100 | Ôn tập HK2  ***(Tiết 1)*** | 1 | Hệ thống được các nội dung trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan |
| TH-TN | 101-102 | Ôn tập HK2  ***( tiết 2,3)*** | 2 | Tuần 35 | | Hệ thống được các nội dung trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan |
| TH-TN | 103-104 | **Kiểm tra cuối HK2** | 2 | - Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh  - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp,hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo. |

**Lớp 7 :**

**Phân phối chương trình**

**Cả năm:** 35 tuần x 4 tiết = 140 tiết.

**HK1:** 18 tuần x 4 tiết = 72 tiết.(20 tiết hình học)

**HK2:** 17 tuần x 4 tiết = 68 tiết(16 tiết hình học)

**1. Phân môn số và đại số**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **HỌC KỲ 1** | | | |
| **CHƯƠNG I: SỐ HỮU TỈ** | | | |
| 1,2 | Bài 1. Tập hợp các số hữu tỉ | 2 | - Nhận biết số hữu tỉ, tập hợp các số hữu tỉ Q, số đối của số hữu tỉ, thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ.  - Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số.  - So sánh hai số hữu tỉ. |
| 3,4 | Bài 2. Cộng trừ nhân chia các số hữu tỉ | 2 | - Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong Q.  - Vận dụng các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý. |
| 5,6 | Luyện tập chung | 2 | Củng cố và rèn luyện các kỹ năng:  Tính toán với số hữu tỉ; biểu diễn số hữu tỉ trên trục số; vận dụng quy tắc dấu ngoặc; các tính chất của phép cộng, phép nhân để tính toán hợp lí. |
| 7,8 | Bài 3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ | 2 | - Mô tả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ.  - Thực hiện tính tích, thương hai lũy thừa cùng cơ số,  - Thực hiện tính lũy thừa của lũy thừa. |
| 9,10 | Bài 4. Thứ tự thực hiện các phép tính. Quy tắc chuyển vế | 2 | - Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính.  - Tính được giá trị biểu thức chứa các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa và dấu ngoặc.  - Mô tả được quy tắc chuyển vế.  - Áp dụng quy tắc chuyển vế vào giải toán (dạng tìm x). |
| 11,12 | Luyện tập chung | 2 | Củng cố các kiến thức về lũy thừa với số muc tự nhiên, thứ tự thực hiện các phép tình và các phép toán trên tập hợp số hữu tỉ. |
| 13 | Bài tập cuối chương 1 | 1 | + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |
| **CHƯƠNG II: SỐ THỰC** | | | |
| 14,15 | Bài 5. Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn | 2 | Nhận biết số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn.  Làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước |
| 16,17 | Bài 6. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học | 2 | Nhận biết số vô tỉ  Nhận biết căn bậc hai số học của 1 số không âm  Tính giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay. |
| 18 | Ôn tập giữa kỳ 1 | 1 | Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |
| 19,20 | **Kiểm tra giữa kỳ 1** | 2 | Đánh giá kiến thức của HS ở một số nội dung đã học từ đầu HKI đến nay (cả đại số và hình học) |
| 21,22 | Bài 7. Tập hợp các số thực | 2 | Nhận biết số thực,  Biểu diễn số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi.  Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số thực  số đối và giá trị tuyệt đối của số thực. |
| 23,24,25 | Luyện tập chung | 3 | Củng cố các kiến thức về số thực và các phép toán trên tập hợp số thực. |
| 26 | Bài tập cuối chương II | 1 | Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |
| 27,28 | Bài 17. Thu thập và phân loại dữ liệu | 2 | Thu thập dữ liệu bằng phỏng vấn, bảng hỏi.  Phân loại dữ liệu.  Nhận biết tính đại diện của dữ liệu. |
| 29,30,31 | Bài 18. Biểu đồ quạt tròn | 3 | Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ hình quạt tròn  Biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn)  Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ hình quạt tròn |
| 32,33,34 | Bài 19. Biểu đồ đoạn thẳng | 3 | Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng.  Vẽ biểu đồ đoạn thẳng  Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ đoạn thẳng |
| 35,36 | Luyện tập chung | 2 | Vận dụng kiến thức đã học vào giải các bài tập liên quan. |
| 37 | Bài tập cuối chương V | 1 | Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 38,39 | Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam | 2 | Tìm hiểu về dân số Việt Nam và cơ cấu dân số Việt Nam |
| 40 | Ôn tập cuối kỳ 1 | 1 | - H/s nhớ lại các kiến thức đã học trong học kì.  - Biết vận dụng làm các BT áp dụng.  - Rèn luyện kĩ năng tính toán, kĩ năng vận dụng kiến thức vào bài tập |
| 41 | **Kiểm tra cuối kỳ 1** | 1 | Đánh giá kiến thức của HS ở một số nội dung đã học ở HKI |
| **HỌC KỲ 2** | | | |
| **CHƯƠNG VI: TỈ LỆ THỨC VÀ ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ** | | | |
| 42,43 | Tỉ lệ thức | 2 | Nhận biết tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức  Vận dụng tính chất của tỉ lệ thức để tính toán |
| 44 | Tính chất dãy tỉ số bằng nhau | 1 | Nhận biết tính chất của dãy tỉ số bằng nhau.  Vận dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán |
| 45,46 | Luyện tập chung | 2 | - Hiểu rõ định nghĩa, tính chất để lập được tỉ lệ thức  - Vận dụng hai tính chất để làm các bài toán liên quan. |
| 47,48 | Đại lượng tỉ lệ thuận | 2 | Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ thuận  Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận |
| 49,50 | Đại lượng tỉ lệ nghịch | 2 | Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ nghịch  Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch |
| 51,52 | Luyện tập chung | 2 | Vận dụng được tính chất chất của đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch để tìm giá trị của một đại lượng và toán chia tỉ lệ. |
| 53 | Bài tập cuối chương VI | 1 | Vận dụng được tính chất chất của đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch để tìm giá trị của một đại lượng và toán chia tỉ lệ. |
| **CHƯƠNG VII: BIỂU THỨC ĐẠI SỐ VÀ ĐA THỨC MỘT BIẾN** | | | |
| 54 | Biểu thức đại số | 1 | Nhận biết biểu thức số và biểu thức đại số.  Tính giá trị của biểu thức đại số. |
| 55 | Bài 25. Đa thức một biến | 2 | Nhận biết đơn thức và bậc của đơn thức.  Nhận biết đa thức và các hạng tử của nó  Thu gọn và sắp xếp đa thức.  Nhận biết bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của một đa thức.  Tính giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến.  Nhận biết nghiệm của 1 đa thức |
| 56 | Ôn tập giữa kỳ 2 | 1 | Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |
| 57 | Kiểm tra giữa học kỳ 2 | 1 | Đánh giá khả năng nắm kiến thức của học sinh |
| 58 | Bài 25. Đa thức một biến (tt) | 2 | Nhận biết đơn thức và bậc của đơn thức.  Nhận biết đa thức và các hạng tử của nó  Thu gọn và sắp xếp đa thức.  Nhận biết bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của một đa thức.  Tính giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến.  Nhận biết nghiệm của 1 đa thức |
| 59,60 | Bài 26. Phép cộng và phép trừ đa thức một biến | 2 | Thực hiện các phép tính cộng, trừ hai đa thức.  Nhận biết các tính chất của phép cộng đa thức.  Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán. |
| 61,62 | Luyện tập chung | 2 | - Vận dụng tính giá trị của biểu thức  - Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán. |
| 63,64 | Phép nhân đa thức một biến | 2 | - Thực hiện phép nhân hai đa thức cùng biến.  - Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán. |
| 65,66,67 | Phép chia đa thức một biến | 3 | - Thực hiện các phép tính chia hai đa thức 1 biến.  - Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán. |
| 68,69 | Luyện tập chung | 2 | - Thực hiện các phép tính chia hai đa thức một biến  - Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán |
| 70 | Bài tập cuối chương VII | 1 | - Vận dụng tính giá trị của biểu thức  - Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán.  - Thực hiện các phép tính chia hai đa thức một biến  - Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán |
| 71,72 | Làm quen với biến cố | 2 | Làm quen với khái niệm biến cố ngẫu nhiên, biến cố chắc chắn, biến cố không thể trong một số ví dụ đơn giản |
| 73,74 | Làm quen với xác suất của biến cố. | 2 | Làm quen với khái niệm biến cố ngẫu nhiên, biến cố chắc chắn, biến cố không thể trong một số ví dụ đơn giản |
| 75 | Luyện tập chung | 1 | Vận dụng kiến thức vào giải bài toán liên quan. |
| 76 | Bài tập cuối chương VIII | 1 | Vận dụng kiến thức vào giải bài toán liên quan. |
| 77 | Vòng quay may mắn | 1 | - Làm quen với các biến cố và nhận ra được các biến cố có xảy ra không  - Cảm nhận được xác suất xảy ra mỗi biến cố nhiều hay ít. |
| 78,79 | Đại lượng tỉ lệ trong đời sống | 2 | - Biết chuyển đổi một số đơn vị đp chiều dai và khối lượng thông dụng  - Thực hành tính toán việc tăng giảm theo giá trị phần trăm, tính lãi suất tiết kiệm và làm quen với quy tắc trong tài chính. |
| 80 | Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2. | 1 | - Vận dụng các tính chất của đẳng thức, tính chất của tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau để tìm số chưa biết.  - Vận dụng tính giá trị của biểu thức  - Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán.  - Thực hiện các phép tính chia hai đa thức một biến  - Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán |
| 81 | **Kiểm tra cuối kỳ 2** | 1 | Đánh giá khả năng nắm kiến thức của học sinh trong HKII và vận dụng kiến thức trong thực tiễn cuộc sống |

**2. Phân môn hình học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **HỌC KÌ I** | | | |
| **CHƯƠNG III: GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG** | | | |
| 1,2 | Bài 8. Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc | 2 | - Nhận biết hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh.  - Nhận biết tia phân giác của 1 góc  - Vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập |
| 3,4 | Bài 9. Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết. | 2 | - Nhận biết các góc tạo bởi 1 đường thẳng cắt hai đường thẳng.  - Mô tả dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong. |
| 5,6 | Luyện tập chung | 2 | Củng cố và rèn luyện các kỹ năng:  - Quan sát hình vẽ, gọi tên các cặp góc so le trong, đồng vị.  - Giải thích được hai đt song song bằng dấu hiệu nhận biết. |
| 7,8 | Bài 10. Tiên đề Euclid, tính chất hai đường thẳng song song | 2 | - Nhận biết tiên đề Euclid về đường thẳng song song.  - Mô tả một số tính chất của hai đường thẳng song song  - Biết cách vẽ hai đường thẳng song song |
| 9 | Bài 11. Định lý và chứng minh định lý | 1 | - Nhận biết định lý, giả thiết, kết luận của định lý và viết gọn bằng kí hiệu.  - Làm quen với chứng minh định lý |
| 10 | Luyện tập chung | 1 | Củng cố và rèn luyện các kỹ năng:  - Vẽ hình, viết GT, KL của định lý bằng kí hiệu.  - Bước đầu biết suy luận để chứng minh định lí. |
| 11 | Ôn tập cuối chương 3 | 1 | Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |
| **CHƯƠNG IV: TAM GIÁC BẰNG NHAU** | | | |
| 12 | Bài 12. Tổng các góc trong tam giác | 1 | Giải thích tổng các góc trong một tam giác bằng 180 độ |
| 13,14 | Bài 13. Hai tam giác bằng nhau  Trường hợp bằng nhau thứ nhất | 2 | Nhận biết hai tam giác bằng nhau.  Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp cạnh – cạnh – cạnh |
| 15 | Luyện tập chung | 1 | - Củng cố các kiến thức về tìm số đo góc, trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác  - Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |
| 16,17 | Bài 14. Trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của tam giác. | 2 | Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp c-g-c và g-c-g.  Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản |
| 18,19 | Luyện tập chung | 2 | - Củng cố các kiến thức các trường hợp bằng nhau của tam giác  - Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |
| 20 | Ôn tập giữa kỳ 1 | 1 | Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |
| 21,22 | Bài 15. Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông | 2 | Giải thích các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông |
| 23,24 | Bài 16. Tam giác cân. Đường trung trực của đoạn thẳng | 2 | Nhận biết tam giác cân, giải thích tính chất của tam giác cân  Nhận biết khái niệm đường trung trực của một đoạn thẳng và các tính chất cơ bản của đường trung trực.  Vẽ đường trung trực của đoạn thẳng bằng dụng cụ học tập. |
| 25,26 | Luyện tập chung | 2 | Vận dụng kiến thức để giải các bài tập |
| 27 | Bài tập cuối chương IV | 1 | Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |
| 28,29 | Vẽ hình đơn giản với GeoGebra | 2 | - Sử dụng phần mềm để hỗ trợ việc học các kiến thức hình học.  - Thực hành sử dụng phần mềm để vẽ hình và thiết kế đồ hoạ liên quan đến các khái niệm: tia phân giác của một góc, đường trung trực của một đoạn thẳng, các đường đặc biệt trong tam giác. |
| 30 | Ôn tập cuối kỳ 1 | 1 | - H/s nhớ lại các kiến thức đã học trong học kì.  - Biết vận dụng làm các BT áp dụng.  - Rèn luyện kĩ năng tính toán, kĩ năng vận dụng kiến thức vào bài tập |
| 31 | **Kiểm tra cuối kỳ 1** | 1 | Đánh giá kiến thức của HS ở một số nội dung đã học ở HKI |
| **HỌC KÌ II** | | | |
| **CHƯƠNG IX: QUAN HỆ GIỮA CÁC YẾU TỐ TRONG MỘT TAM GIÁC** | | | |
| 32,33 | Bài 31. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác. | 2 | Nhận biết hai định lý về cạnh và góc đối diện trong tam giác. |
| 34 | Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên | 1 | Nhận biết khái niệm đường vuông góc và đường xiên, khoảng cách từ 1 điểm đến 1 đường thẳng.  Biết quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên |
| 35 | Quan hệ giữa ba cạnh trong một tam giác | 1 | Nhận biết liên hệ về độ dài giữa 3 cạnh trong một tam giác |
| 36,37 | Luyện tập chung | 2 | - Củng cố các kiến thức quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác  - Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |
| 38 | Sự đồng quy của ba đường trung tuyến trong một tam giác. | 1 | - Nhận biết đường trung tuyến của tam giác.  - Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung tuyến trong một tam giác |
| 39 | Sự đồng quy của ba đường phân giác trong một tam giác. | 1 | - Nhận biết đường trung tuyến của tam giác.  - Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung tuyến trong một tam giác |
| 40 | Sự đồng quy của 3 đường trung trực trong 1 tam giác | 1 | - Nhận biết đường trung tuyến của tam giác.  - Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung tuyến trong một tam giác |
| 41 | Sự đồng quy của ba đường cao trong 1 tam giác | 1 | - Nhận biết đường trung tuyến của tam giác.  - Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung tuyến trong một tam giác |
| 42,43 | Luyện tập chung | 2 | Rèn luyện kiến thức về sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác, sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác để giải quyết các bài tập liên quan. |
| 44 | Ôn tập cuối chương IX. | 1 | Củng cố và vận dụng kiến thức về quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác, quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên, quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác, sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác, sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác để giải quyết các bài tập liên quan. |
| 45 | Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương | 3 | Mô tả 1 số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương. |
| 46,47 | Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương | 3 | Mô tả 1 số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.  Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương. |
| 48 | Ôn tập giữa kỳ 2 | 1 | Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |
| 49 | **Kiểm tra giữa kỳ 2** | 1 | Đánh giá kiến thức của HS ở một số nội dung đã học từ đầu HKII đến nay (cả đại số và hình học) |
| 50 | Luyện tập | 1 | Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương. |
| 51,52,53 | Bài 37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác | 3 | Mô tả và tạo lập hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.  Tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.  Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. |
| 54 | Luyện tập | 1 | Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. |
| 55 | Bài tập cuối chương X | 1 | - Củng cố các kiến thức của hình hộp chữ nhật, hình lập phương  - Củng cố các kiến thức của hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác.  - Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |
| 56,57 | Hộp quà và chân đế lịch. | 2 | Vận dụng các kiến thức đã học về một số hình khối trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong thực tiễn như nỹ thuật, thủ công,… |
| 58 | Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2. | 1 | - H/s nhớ lại các kiến thức đã học trong học kì.  - Biết vận dụng làm các BT áp dụng.  - Rèn luyện kĩ năng tính toán, kĩ năng vận dụng kiến thức vào bài tập. |
| 59 | **Kiểm tra cuối kỳ 2** | 1 | Đánh giá khả năng nắm kiến thức của học sinh trong HKII và vận dụng kiến thức trong thực tiễn cuộc sống |

**Lớp 8 :**

**Phân bố các tiết dạy: Số tiết 140 tiết ( 35 tuần, mỗi tuần 4 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Đại số**  **Thống kê và xác suất** | **Hình** | **Tổng** |
| Học kì I | 41 | 31 | 72 |
| Học kì II | 42 | 26 | 68 |

1. **Phân phối chương trình:**

**ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT THỐNG KÊ**

1. **Phân phối chương trình:**

**ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT THỐNG KÊ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Tiết PPCT** | **Yêu cầu cần đạt.** |
| 1 | Bài 1. Đơn thức | 2 | 1.2 | - Nhận biết đơn thức, đơn thức thu gọn, hệ số, phần biến và bậc của đơn thức  - Thu gọn đơn thức. - Nhận biết đơn thức đồng dạng. - Cộng và trừ hai đơn thức đồng dạng |
| 2 | Bài 2. Đa thức | 2 | 3.4 | - Nhận biết các khái niệm: đa thức, hạng tử của đa thức, đa thức thu gọn và bậc của đa thức. - Thu gọn đa thức. - Tính giá trị của đa thức khi biết giá trị của các biến |
| 3 | Bài 3. Phép cộng và phép trừ đa thức | 1 | 5 | - Nắm được cách cộng, trừ hai đa thức  - Thực hiện các phép tính cộng, trừ đa thức |
| 4 | Luyện tập chung | 2 | 6,7 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 3.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 5 | Bài 4. Phép nhân đa thức | 2 | 8,9 | - Thực hiện phép tính nhân đơn thức với đa thức và nhân đa thức với đa thức. - Biến đổi, thu gọn biểu thức đại số có sử dụng phép nhân đa thức |
| 6 | Bài 5. Phép chia đa thức cho đơn thức | 1 | 10 | - Nắm được cách chia đơn thức cho đơn thức (trường hợp chia hết), chia đa thức cho đơn thức (trường hợp chia hết)  - Thực hiện được các phép tính trên đa thức. |
| 7 | Luyện tập chung | 2 | 11.12 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 4 đến bài 5.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 8 | Bài tập cuối chương I | 1 | 13 | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 9 | Bài 6. Hiệu hai bình phương. Bình phương của một tổng hay một hiệu | 2 | 14.15 | - Nhận biết hằng đẳng thức. - Mô tả hằng đẳng thức hiệu hai bình phương, bình phương của một tổng, bình phương của một hiệu. - Vận dụng ba hằng đẳng thức này để tính nhanh, rút gọn biểu thức |
| 10 | **Ôn tập giữa HK1** | 1 | 16 | -Hệ thống kiến thức từ bài 1 đến bài 5 |
| 11 | **Kiểm tra giữa HK1** | 1 | 17 | Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh  - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp,hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo. |
| 12 | Bài 7. Lập phương của một tổng hay một hiệu | 2 | 18,19 | - Mô tả các hằng đẳng thức: lập phương của một tổng và lập phương của một hiệu. - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để khai triển, rút gọn biểu thức |
| 13 | Bài 8. Tổng và hiệu hai lập phương | 2 | 22,21 | - Mô tả các hằng đẳng thức: tổng, hiệu hai lập phương. - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để rút gọn biểu thức hay viết biểu thức dưới dạng tích. |
| 14 | Luyện tập chung | 2 | 22,23 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 6 đến bài 8.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 15 | Bài 9. Phân tích đa thức thành nhân tử | 2 | 24.25 | - Nhận biết phân tích đa thức thành nhân tử. - Mô tả ba cách phân tích đa thức thành nhân tử: Đặt nhân tử chung; Nhóm các hạng tử; Sử dụng hằng đẳng thức  - Vận dụng các cách này để khai triển, giải toán tìm x, rút gọn biểu thức |
| 16 | Luyện tập chung |  | 26,27 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học trong bài 9.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 17 | Bài tập cuối chương II | 1 | 28 | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 18 | Bài 18. Thu thập và phân loại dữ liệu | 1 | 29 | - Thực hiện và lí giải việc thu thập dữ liệu. - Phân loại số liệu rời rạc, số liệu liên tục |
| 19 | Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ | 2 | 30,31 | - Chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. - Lựa chọn biểu đồ phù hợp với dữ liệu cho trước. |
| 20 | Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ | 2 | 32,33 | - Phát hiện và giải quyết được vấn đề, quy luật đơn giản dựa trên phân tích số liệu. - Nhận ra tính hợp lí của dữ liệu được biểu diễn. - Nhận biết mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 8. |
| 21 | Luyện tập chung | 2 | 34,35 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 18 đến bài 20  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 22 | Bài tập cuối chương V | 1 | 36. | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 23 | **Ôn tập cuối HK1** | 1 | 37. | -Hệ thống kiến thức đã học |
| 24 | **Kiểm tra cuối HK1** | 1 | 38 | - Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh  - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp,hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo. |
| 25 | Bài 21. Phân thức đại số | 1 | 39 | - Nhận biết phân thức đại số, tử thức và mẫu thức của một phân thức. - Viết điều kiện xác định của phân thức và tính giá trị của phân thức tại giá trị của biến thoả mãn điều kiện xác định. - Nhận biết hai phân thức bằng nhau |
| 26 | Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số | 3 | 40,41,42 | - Mô tả tính chất cơ bản của phân thức đại số. - Rút gọn phân thức đại số. - Biết quy đồng mẫu thức nhiều phân thức trong trường hợp thuận lợi |
| 27 | Luyện tập chung | 2 | 43,44 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 21 đến bài 22  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 28 | Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số | 3 | 45,46,47 | - Thực hiện phép cộng và phép trừ phân thức đại số. - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng phân thức và quy tắc dấu ngoặc với phân thức trong tính toán. |
| 29 | Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số | 2 | 48,49 | - Thực hiện phép nhân và phép chia hai phân thức đại số. - Vận dụng tính chất của phép nhân phân thức trong tính toán |
| 30 | Luyện tập chung | 1 | 50,51 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 23 đến bài 24  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 31 | Bài tập cuối chương VI | 1 | 52 | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 32 | Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn | 2 | 53,54 | - Hiểu khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất |
| 33 | **Ôn tập giữa HK2** | 1 | 55 | -Hệ thống kiến thức |
| 34 | **Kiểm tra giữa HK2** | 1 | 56 | -Kiểm tra kiến thức đã học |
| 35 | Bài 26. Giải bài toán bằng cách lập phương trình | 1 | 57,58 | Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất |
| 36 | Luyện tập chung | 2 | 59,60 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 25 đến bài 26  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 37 | Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số | 2 | 61,62 | - Nhận biết những mô hình thực tế dẫn đến khái niệm hàm số. - Tính giá trị của hàm số khi hàm số đó xác định bởi công thức. - Xác định toạ độ của một điểm trên mặt phẳng toạ độ; xác định một điểm trên mặt phẳng toạ độ khi biết toạ độ của nó. - Nhận biết đồ thị hàm số |
| 38 | Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất | 2 | 63,64 | - Thiết lập bảng giá trị của hàm số bậc nhất. - Vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất. - Vận dụng hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất vào giải quyết một số bài toán thực tiễn |
| 39 | Bài 29. Hệ số góc của đường thẳng | 2 | 65,66 | - Nhận biết khái niệm hệ số góc của đường thẳng *y* = *ax* + *b* (*a* z 0). - Sử dụng hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước |
| 40 | Luyện tập chung | 2 | 67 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 27 đến bài 29  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 41 | Bài tập cuối chương VII | 1 | 68 | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 42 | Bài 30. Kết quả có thể và kết quả thuận lợi | 1 | 69 | - Xác định các kết quả có thể của hành động, thực nghiệm. - Xác định các kết quả thuận lợi cho một biến cố liên quan tới hành động, thực nghiệm |
| 43 | Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số | 2 | 70,71 | Tính xác suất bằng tỉ số giữa số kết quả thuận lợi cho biến cố và số kết quả có thể trong trường hợp các kết quả có thể là đồng khả năng |
| 44 | Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng | 3 | 72,73,74 | - Tính xác suất thực nghiệm trong một số ví dụ có tình huống thực tế. - Ước lượng xác suất của một biến cố bằng xác suất thực nghiệm. - Ứng dụng trong một số bài toán đơn giản |
| 45 | Luyện tập chung | 1 | 75 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 30 đến bài 32  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 46 | Bài tập cuối chương VIII | 1 | 76 | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 47 | **Ôn tập cuối HK2** | 1 | 77 | -Hệ thống kiến thức đã học |
| 48 | **Kiểm tra cuối HK2** | 1 | 78 | - Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh  - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp,hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo. |

**HÌNH HỌC- HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Tiết PPCT** | **Yêu cầu cần đạt.** |
| 1 | Bài 10. Tứ giác | 1 | 1 | - Mô tả khái niệm tứ giác, tứ giác lồi. - Giải thích định lí về tổng các góc trong một tứ giác lồi |
| 2 | Bài 11. Hình thang cân | 2 | 2.3 | - Mô tả khái niệm hình thang, hình thang cân và các yếu tố của chúng. - Giải thích các tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên và đường chéo của hình thang cân. - Nhận biết dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân. |
| 3 | Luyện tập chung | 1 | 4 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 10 đến bài 11  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 4 | Bài 12. Hình bình hành | 3 | 5.6,7 | - Mô tả khái niệm hình bình hành. - Giải thích các tính chất của hình bình hành. - Nhận biết dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành |
| 5 | Luyện tập chung | 2 | 8,9 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học trong bài 12  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 6 | Bài 13. Hình chữ nhật | 1 | 10 | - Mô tả khái niệm hình chữ nhật. - Giải thích tính chất hai đường chéo của hình chữ nhật. - Nhận biết dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật |
| 7 | Bài 14. Hình thoi và hình vuông | 2 | 11,12 | - Mô tả khái niệm hình thoi và hình vuông. - Giải thích các tính chất của hình thoi và hình vuông. - Nhận biết dấu hiệu để một hình là hình thoi, hình vuông |
| 8 | Luyện tập chung | 2 | 13,14 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 13 đến bài 14  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 9 | Bài tập cuối chương III  (Ôn tập giữa HKI) | 1 | 15 | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn  -Hệ thống kiến thức |
| 10 | **Kiểm tra giữa HKI** | 1 | 17 | Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh  - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp,hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo. |
| 11 | Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác | 3 | 18.19.20 | - Định lí Thalès trong tam giác (thuận và đảo). - Tính độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thalès |
| 12 | Bài 16. Đường trung bình của tam giác | 1 | 21 | - Mô tả định nghĩa đường trung bình của tam giác. - Giải thích tính chất đường trung bình của tam giác |
| 13 | Bài 17. Tính chất đường phân giác của tam giác | 1 | 22 | - Giải thích tính chất đường phân giác trong của tam giác. - Sử dụng tính chất đường phân giác trong của tam giác để tính độ dài đoạn thẳng và tỉ số của hai đoạn thẳng |
| 14 | Luyện tập chung | 2 | 23,24 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 15 đến bài 17  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 15 | Bài tập cuối chương IV | 1 | 25 | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 16 | Hoạt động thực hành trải nghiệm | 6 | 26,27,28,29,30,31 | *-Công thức tính lãi kép*  - *Phân tích đặc điểm khí hậu*  *-thực hiện tính toán với phần mềm GeoGebra* |
| 17 | Ôn tập HKI | 2 | 32,33 | -Hệ thống kiến thức đã học |
| 18 | **Kiểm tra HKI** | 1 | 34 | - Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh  - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp,hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo. |
| 19 | Bài 33. Hai tam giác đồng dạng | 2 | 35,36 | - Nhận biết hai tam giác đồng dạng và giải thích các tính chất của chúng. - Giải thích định lí về trường hợp đồng dạng đặc biệt của hai tam giác. |
| 20 | Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác | 3 | 37,38,39 | - Nhận biết và giải thích hai tam giác đồng dạng dựa trên ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác. - Áp dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vào các vấn đề thực tiễn |
| 21 | Luyện tập chung | 2 | 30,41 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 33 đến bài 34  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 22 | Bài 35. Định lí Pythagore và ứng dụng | 2 | 42,43 | - Giải thích định lí Pythagore. - Tính độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lí Pythagore. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Pythagore |
| 23 | Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông | 2 | 44,45 | - Giải thích các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng các tam giác vuông đồng dạng. |
| 24 | Bài 37. Hình đồng dạng | 1 | 46 | - Nhận biết hai hình đồng dạng. - Nhận biết hai hình đồng dạng phối cảnh. - Nhận biết được vẻ đẹp trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo, ... biểu hiện qua hình đồng dạng. |
| 25 | Luyện tập chung | 2 | 47,48 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 35 đến bài 37  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 26 | Bài tập cuối chương IX  (Ôn tập giữa HKII) | 1 | 49 | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn  -Hệ thống kiến thức đã học |
| 27 | **Kiểm tra giữa HKII** | 1 | 50 | - Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh  - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp,hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo. |
|  | Hoạt động trải nghiệm | 1 | 51 | -Đo gián tiếp chiều cao của vật:  - Đo khoảng cách giữa hai địa điểm trong đó có một địa điểm không thể tới được: |
| 28 | Bài 38. Hình chóp tam giác đều | 2 | 52,53 | - Mô tả đỉnh, cạnh bên, mặt bên, mặt đáy của hình chóp tam giác đều. - Tạo lập hình chóp tam giác đều. - Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tam giác đều. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều |
| 29 | Bài 39. Hình chóp tứ giác đều | 2 | 54,55 | - Mô tả đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên của hình chóp tứ giác đều. - Tạo lập hình chóp tứ giác đều. - Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tứ giác đều. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều. |
| 30 | Luyện tập chung | 1 | 56 | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 38 đến bài 39  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 31 | Bài tập cuối chương VIII | 1 | 57 | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 32 | Hoạt động trải nghiệm | 3 | 58,59,60 | - Chủ đề: Một vài ứng dụng của hàm số bậc nhất trong tài chính  -Chủ đề:Thực hành tính toán phân thứcđại số và vẽ đồ thị hàm số bằng phần mềm Geogebra  *-*Chủ đề: Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm Excel |
| 33 | Ôn tập HKII | 1 | 61 | -Hệ thống kiến thức đã học |
| 34 | **Kiểm tra HKII** | 1 | 62 | - Qua kiểm tra Kiến thức , đánh giá mức độ nắm kiến thức của tất cả các đối tượng học sinh  - Phát triển năng lực tự học, tính toán, giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp,hợp tác, năng lực tư duy, sáng tạo. |

**LỚP 9**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GDĐT NÚI THÀNH**  **TRƯỜNG THCS LÊ LỢI**  **TỔ:TỰ NHIÊN I** | **KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC - NĂM HỌC 2024-2025**  **MÔN: TOÁN**  **KHỐI: 9** |

**Thông tin:**

**II.** **Kế hoạch cụ thể:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cả năm 140 tiết** | **Đại số 84 tiết** | **Hình học 56 tiết** |
| Học kỳ I: 18 tuần, 72 tiết | 40 tiết  Tuần 1→ tuần 2 : 2x4 = 8 tiết  Tuần 3→ tuần 18 : 2 x 16 = 32 tiết | 32 tiết  Tuần 3→ tuần 18 : 2x16 = 32 tiết |
| Học kỳ II: 17 tuần, 68 tiết | 44 tiết  Tuần 19→ tuần 24 : 6x2 = 12tiết  Tuần 25 : 1x4=4 tiết  Tuần 26-tuần 30 : 5x2 = 10 tiết  Tuần 31→ tuần 34 : 4x4 = 16 tiết  Tuần 35 : 2x1 = 2 tiết | 24 tiết  Tuần 19→ tuần 24 : 6x2 = 12 tiết  Tuần 25 : 0 tiết  Tuần 26-tuần 30 : 5x2 = 10 tiết  Tuần 31→ tuần 34 : 0x4 = 0 tiết  Tuần 35 : = 2 tiết |

**PHẦN ĐẠI SỐ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Tiết PPCT** | **Yêu cầu cần đạt.** |
| 1 | Bài 1. Khái niệm phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn | 2 | 1.2 | - Nhận biết được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn  - Nhận biết được khái niệm nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn |
| 2 | Bài 2. Giải hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn | 4 | 3.4.5.6 | - Giải được hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế và phương pháp cộng đại số  - Tìm được nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng máy tính cầm tay |
| 3 | Luyện tập chung | 2 | 7,8 | Ôn tập và củng cố về phương trình bậc nhất hai ẩn và cách giải hệ phương trình bậc nhất hai ẩn |
| 4 | Bài 3. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình | 2 | 9,10 | - Giải được hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn |
| 5 | Bài tập cuối chương I | 2 | 11,12 | - Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến phương trình và hệ phương trình  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hệ hai phương trình |
| 6 | Pha chế dung dịch theo nồng độ yêu cầu | 1 | 13 | Ôn tập về nồng độ phần trăm , cách giải hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn . |
| 7 | Bài 4. Phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn | 3 | 14,15,16 | - Giải được phương trình tích có dạng  - Giải được phương trình chứa ẩn ở mẫu quy về phương trình bậc nhất |
| 8 | Bài 5. Bất đẳng thức và tính chất | 2 | 17,18 | - Nhận biết được thứ tự trên tập hợp các số thực  - Nhận biết được bất đẳng thức và mô tả được một số tính chất cơ bản của bất đẳng thức (tính chất bắc cầu; tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép cộng, phép nhân) |
| 9 | Luyện tập chung | 2 | 19,20 | Ôn tập và củng cố về cách giải phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn ẩn và bất đẳng thức |
| 10 | Ôn tập giữa học kì | 1 | 21 | + Hệ thống và củng cố các kiến thức đã học trong nửa đầu học kì I |
| 11 | Kiểm tra giữa học kì I | 2 | 22 | Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong nửa đầu học kì I |
| 12 | Bài 6. Bất phương trình bậc nhất một ẩn | 3 | 23,24,25 | - Nhận biết được khái niệm bất phương trình bậc nhất một ẩn, nghiệm của bất phương trình bậc nhất một ẩn  - Giải được bất phương trình bậc nhất một ẩn |
| 13 | Bài tập cuối chương II | 2 | 26,27 | - Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến bất đẳng thức, phương trình và bất phương trình bậc nhất một ẩn  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến bất phương trình |
| 14 | Bài 7. Căn bậc hai và căn thức bậc hai | 2 | 28,29 | - Nhận biết được khái niệm về căn bậc hai của số thực không âm  - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) cần bậc hai của một số hữu tỉ bằng máy tính cầm tay  - Nhận biết được khái niệm vể căn thức bậc hai của một biểu thức đại số |
| 15 | Bài 8. Khai căn bậc hai với phép nhân và phép chia | 2 | 30,31 | Sử dụng các tính chất của phép khai phương (khai phương của một bình phương, một tích hay một thương) để thực hiện biến đối, tính giá trị, rút gọn biểu thức |
| 16 | Luyện tập chung | 1 | 32 | Củng cố kiến thức về căn bậc hai, căn thức bậc hai, áp dụng các phép khai phương để thực hiện các phép tính, rút gọn biểu thức, ...  Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 17 | Bài 9. Biến đổi đơn giản và rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai | 3 | 33,34,35 | Thực hiện các biến đổi trục căn thức ở mẫu, khử mẫu của biểu thức lấy căn, rút gọn biểu thức chứa dấu căn. |
| 18 | Luyện tập chung | 1 | 36 | Củng cố các kiến thức liên quan đến các phép biến đổi biểu thức chứa căn bậc hai |
| 19 | Bài 10. Căn bậc ba và căn thức bậc ba | 1 | 37 | - Nhận biết được khái niệm căn bậc ba của một số thực  - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc ba của một số hữu tỉ bằng máy tính cầm tay  - Nhận biết được khái niệm về căn thức bậc ba của một biểu thức đại số |
| 20 | Luyện tập chung | 1 | 38 | Củng cố các kiến thức liên quan đến các phép biến đổi biểu thức chứa căn bậc hai  Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 21 | Bài tập cuối chương III | 1 | 39 | - Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến căn và căn thức bậc hai, bậc ba  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến căn và căn thức bậc hai, bậc ba |
| 22 | Kiểm tra học kì I | 1 | 40 | Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì I |
|  |  |  |  | HỌC KÌ II |
| 23 | Bài 18. Hàm số | 2 | 41,42 | - Nhận biết được hàm số  - Vẽ được đồ thị hàm số  - Nhận biết được tính đối xứng (trục) và trục đốí xứng của đồ thị hàm số  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với đồ thị của hàm số |
| 24 | Bài 19. Phương trình bậc hai một ẩn | 2 | 43,44 | - Nhận biết được khái niệm phương trình bậc hai một ẩn.  - Giải được phương trình bậc hai một ẩn.  -Tính được nghiệm phương trình bậc hai một ẩn bằng máy tính cầm tay.  -Vận dụng được phương trình bậc hai vào giải quyết bài toán thực tiễn. |
| 25 | Luyện tập chung | 2 | 45,46 | Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến hàm số () và giải phương trình bậc hai một ẩn  Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung bài học |
| 26 | Bài 20. Định lí Viète và ứng dụng | 2 | 47,48 | Giải thích được định lí Viète và ứng dụng (ví dụ: tính nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai, tìm hai số biết tổng và tích của chúng,...). |
| 27 | Bài 21. Giải bài toán bằng cách lập phương trình | 2 | 49,50 | - Giải được phương trình bậc hai một ẩn.  -Tính được nghiệm phương trình bậc hai một ẩn bằng máy tính cầm tay.  -Vận dụng được phương trình bậc hai vào giải quyết bài toán thực tiễn. |
| 28 | Luyện tập chung | 2 | 51,52 | Ôn tập và củng cố các kiến thức về phương trình bậc hai và giải toán bằng cách lập phương trình |
| 29 | Bài tập cuối chương VI | 2 | 53,54 | - Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến hàm số (), giải phương trình bậc hai và ứng dụng của hệ thức Viète.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến căn và căn thức bậc hai, bậc ba |
| 30 | Giải phương trình, hệ phương trình và vẽ đồ thị hàm số với phần mềm GeoGebra | 2 | 55,56 | Giải được phương trình bằng phần mềm GeoGebra |
| 31 | Ôn tập giữa học kì II | 1 | 57 | Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình nửa đầu học kì II |
| 32 | Kiểm tra giữa học kì II | 1 | 58 | Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong nửa đầu học kì II |
| 33 | Bài 22. Bảng tần số và biểu đồ tần số | 2 | 59,60 | - Xác định được tần số của một giá trị  -Thiết lập được bảng tẩn số, biểu đồ tần số (biểu diễn các giá trị và tần số của chúng ở dạng biểu đồ cột hoặc biểu đồ đoạn thẳng).  - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của tần số trong thực tiễn.  - Lí giải và thiết lập được dữ liệu vào bảng, biếu đổ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ cột; biếu đồ đoạn thẳng.  - Lí giaỉ và thực hiện được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang 62dạng biểu diễn khác |
| 34 | Bài 23. Bảng tần số tương đối và biểu đồ tần số tương đối | 2 | 61,62 | -X63ác định được tần số tương đối của một giá trị.  -Thiết lập được bảng tần số tương đối, biểu đồ tần số tương đối (biểu diễn các giá trị và tần số tương đối của chúng ở dạng biểu đổ cột hoặc biểu đồ hình quạt tròn).  - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của tần số tương đối trong thực tiễn.  - Lí giải và thiết lập được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột; biểu đồ hình quạt tròn.  - Lí giải và thực hiện được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác  - Phát hiện và lí giải được số liệu không chính xác dựa trên mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn trong những ví dụ đơn giản |
| 35 | Luyện tập chung | 1 | 63 | Ôn tập và củng cố kiến thức về bảng tần số, bảng tần số tương đối, biểu diễn các dữ liệu trên biểu đồ tần số và tần số tương đối |
| 36 | Bài 24. Bảng tần số, tần số tương đối ghép nhóm và biểu đồ | 3 | 64,65,66 | - Thiết lập được bảng tần số ghép nhóm, bảng tần số tương đối ghép nhóm.  - Thiết lập được biểu đồ tần số tương đối ghép nhóm ở dạng biểu đồ cột vả dạng biểu đồ đoạn thẳng.  - Lí giải và thiết lập được dữ liệu vào bảng thích hợp.  - Lí giải và thực hiện được cách chuyển dữ liệu từdạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác.  - Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức cửa các môn học khác trong chương trình lớp 9 và trong thực tiễn. |
| 37 | Bài tập cuối chương VII | 2 | 67,68 | - Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến chương thống kê  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung đã học trong chương |
| 38 | Xác định tần số, tần số tương đối, vẽ các biểu đồ biểu diễn bằng Excel | 2 | 69,70 | Xác định được tần số, tần số tương đối, vẽ các biểu đồ biểu diễn bằng Excel |
| 39 | Bài 25. Phép thử ngẫu nhiên và không gian mẫu | 2 | 71, 72 | - Nhận biết được phép thử ngẫu nhiên và không gian mẫu.  -Nhận biết được một kết quả là thuận lợi cho một biến cố trong một số phép thử đơn giản |
| 40 | Bài 26. Xác suất của biến cố liên quan tới phép thử | 4 | 73,74,75,76 | - Nhận biết được khái niệm đồng khả năng.  - Tính được xác suất của biến cố bằng cách kiếm đếm số trường hợp có thể và số trường hợp thuận lợi trong một số mô hình xác suất đơn giản |
| 41 | Luyện tập chung | 2 | 77,78 | Củng cố các kiến thức đã học về phép thử, không gian mẫu và tính xác suất của biến cố liên quan tới phép thử |
| 42 | Bài tập cuối chương VIII | 1 | 79 | - Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến chương xác suất  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung đã học trong chương |
| 43 | **Hoạt động thực hành trải nghiệm**  Gene trội trong các thế hệ lai | 2 | 80,81 | Áp dụng các kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề thực tiễn |
| 44 |  |  |  |  |
| 45 | Ôn tập học kì II | 2 | 82,83 | Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình học kì II |
| 46 | Kiểm tra học kì II | 1 | 84 | Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì II |

PHẦN HÌNH HỌC

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần | Bài học | Số tiết | Tiết PPCT | Yêu cầu cần đạt. |
| 1 | Bài 11. Tỉ số lượng giác của góc nhọn | 4 | 1,2,3,4 | - Nhận biết được các giá trị sin, côsin, tang, côtang của góc nhọn.  - Giải thích được TSLG của các góc nhọn đặc biệt và của hai góc phụ nhau.  -Tính được giá trị (đúng hoặc gần đủng) TSLG của góc nhọn bằng máy tính cầm tay. |
| 2 | Bài 12. Một số hệ thức giữa cạnh, góc trong tam giác vuông và ứng dụng | 3 | 5,6,7 | - Giải thích được một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông (cạnh góc vuông bằng cạnh huyền nhân với sin góc đối hoặc nhân với côsin góc kề; cạnh góc vuông bằng cạnh góc vuông còn lại nhân với tang góc đối hoặc nhân với côtang góc kề).  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với TSLG của góc nhọn (tính độ dài đoạn thẳng, độ lớn góc; áp dụng giải tam giác vuông). |
| 3 | Tính chiều cao và xác định khoảng cách | 1 | 8 | Biết tính chiều cao của trụ cờ |
| 4 | Luyện tập chung | 2 | 9,10 | Luyện tập củng cố các kiến thức liên quan đến TSLG |
| 5 | Bài tập cuối chương IV | 2 | 11,12 | - Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến TSLG của góc nhọn  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến TSLG |
| 6 | Ôn tập giữa học kì I | 1 | 13 | Ôn tập và củng cố các kiến thức đã học trong nửa đầu học kì I |
| 7 | Kiểm tra giữa học kì I | 1 | 14 | Kiểm tra đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong nửa đầu học kì I |
| 8 | Bài 13. Mở đầu về đường tròn | 2 | 15,16 | - Nhận biết được tâm, bán kính, đưòng kính, dây của đường tròn.  - Nhận biết hai điểm đối xứng nhau qua một tâm, qua một trục  - Nhận biết được tâm đối xứng, trục đối xứng của đường tròn |
| 9 | Bài 14. Cung và dây của một đường tròn | 2 | 17,18 | - Nhận biết cung, dây cung, đường kính của đường tròn và quan hệ giữa độ dài dây và đường kính.  Nhận biết góc ở tâm, cung bị chắn  - Nhận biết và xác định số đo của một cung  - So sánh được độ dài của đường kính và dây |
| 10 | Bài 15. Độ dài của cung tròn. Diện tích hình quạt tròn và hình vành khuyên | 2 | 19,20 | - Tính được độ dài cung tròn.  - Nhận biết được hình quạt tròn và hình vành khuyên.  - Tính được diện tích hình quạt tròn, diện tích hình vành khuyên.  - Giải quyết được một số vấn để thực tiễn gắn với đường tròn (ví dụ: một số bài toán liên quan đến chuyển động tròn trong Vật lí; tính được diện tích một số hình phẳng có thể đưa về những hình phẳng gắn với hình tròn, chẳng hạn hình viên phân,...). |
| 11 | Luyện tập chung | 2 | 21,22 | - Luyện tập củng cố các kiến thức liên quan đến các yếu tố (đường kính, dây, cung) của đường tròn.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đè thực tiễn |
| 12 | Bài 16. Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn | 2 | 23,24 | - Mô tả và vẽ hình biểu thị ba vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn: cắt nhau, tiếp xúc nhau, không giao nhau  - Nhận biết tiếp tuyến của đường tròn dựa vào định nghĩa hoặc dấu hiệu nhận biết  - Áp dụng tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau trong giải toán |
| 13 | Bài 17. Vị trí tương đối của hai đường tròn | 2 | 25,26 | - Mô tả được ba vị trí tương đối của hai đường tròn (hai đường tròn không giao nhau, hai đường tròn cắt nhau, hai đường tròn tiếp xúc nhau) |
| 14 | Luyện tập chung | 2 | 27,28 | Luyện tập củng cố các VTTĐ của đường thẳng với đường tròn và VTTĐ của hai đường tròn |
| 15 | Bài tập cuối chương V | 1 | 29 | - Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến đường tròn  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đường tròn |
| 16 | Ôn tập học kì I | 1 | 30,31 | Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình học kì I |
| 17 | Kiểm tra học kì I | 1 | 32 | Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì I |
| 18 |  |  | HỌC KÌ II |  |
| 19 | Bài 27. Góc nội tiếp | 1 | 33 | - Nhận biết được góc ở tâm, góc nội tiếp.  - Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc ở tâm, số đo góc nội tiếp.  - Giải thích được mối liên hệ giữa số đo góc nội tiếp và số đo góc ở tâm cùng chắn một cung |
| 20 | Bài 28. Đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của một tam giác | 2 | 34,35 | - Nhận biết được định nghĩa đường trỏn ngoại tiếp tam giác  - Xác định được tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác, trong đó có tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác vuông, tam giác đều.  - Vẽ được đường tròn ngoại tiếp tam giác bằng dụng cụ học tập.  - Nhận biết được định nghĩa đường tròn nội tiếp tam giác.  - Xác định được tâm và bán kính đường tròn nội tiếp tam giác, trong đó có tâm và bán kính đường tròn nội tiếp tam giác đều.  - Vẽ được đường tròn nội tiếp tam giác bằng dụng cụ học tập |
| 21 | Luyện tập chung | 2 | 36,37 | - Luyện tập củng cố các kiến thức về góc với đường tròn, đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp trong tam giác  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đường tròn |
| 22 | Bai 29. Tứ giác nội tiếp | 2 | 38,39 | - Nhận biết được tứ giác nội tiếp đường tròn và giải thích được định lí về tổng hai góc đối của tứ giác nội tiếp bằng 180°.  - Xác định được tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp hình chữ nhật, hình vuông |
| 23 | Bài 30. Đa giác đều | 2 | 40,41 | - Nhận dạng được đa giác đều.  - Nhận biết được phép quay. Mô tả được các phép quay giữ nguyên hình đa giác đểu.  - Nhận biết được những hình phẳng đểu trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo.  - Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đều. |
| 24 | Luyện tâp chung | 2 | 42,43 | - Luyện tập củng cố các kiến thức về tứ giác nội tiếp và đa giác đều  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đường tròn |
| 25 | Bài tập cuối chương IX | 1 | 44 | - Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến nội dung đã học của chương  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đường tròn |
| 26 | Ôn tập giữa học kì II | 1 | 45 | Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình nửa đầu học kì II |
| 27 | Kiểm tra giữa học kì II | 1 | 46 | Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong nửa đầu học kì II |
| 28 | Bài 31. Hình trụ và hình nón | 2 | 47,48 | - Mô tả được đường sinh, chiểu cao, bán kính đáy của hình trụ, tạo lập được hình trụ.  - Tính được diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ, hình nón  - Giải quyết được một sô vấn đề thực tiễn gắn với việc tính diện tích xung quanh vả thể tích của hình trụ, hình nón |
| 29 | Bài 32. Hình cầu | 2 | 49,50 | - Mô tả được tâm, bán kính của hình cầu, tạo lập được hình cầu, mặt cầu. Nhận biết được phần chung của mặt phẳng và hình cầu.  - Tính được diện tích của mặt cầu, thể tích của hình cầu.  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính diện tích của mặt cầu và thể tích của hình cầu |
| 30 | Luyện tập chung | 2 | 51,52 | - Luyện tập củng cố các kiến thức liên quan đến hình học trực quan  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học trực quan |
| 31 | Bài tập cuối chương X | 1 | 53 | - Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến hình học trực quan  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học trực quan |
| 32 | **Hoạt động thực hành trải nghiệm**Vẽ hình đơn giản với phân mềm GeoGebra | 1 | 54 | Thực hành vẽ các hình đã học bằng phần mềm Geogebra |
| 33 |  |  |  |  |
| 34 | Ôn tập học kì II | 1 | 55 | Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình học kì II |
| 35 | Kiểm tra học kì II | 1 | 56 | Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì II |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**2.3 Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

**Lớp 6 :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| Giữa Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 9 | Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học đến giữa học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành | Viết (trên giấy) |
| Cuối Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 18 | Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành | Viết (trên giấy) |
| Giữa Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 26 | Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học đến giữa học kỳ 2, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành | Viết (trên giấy) |
| Cuối Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 35 | Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 2 và cả năm học, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành | Viết (trên giấy) |

**Lớp 7 :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa Học kỳ I | 90 phút | Tuần 10 | - Đáp ứng yêu cầu cần đạt các kiến thức trong chương từ tuần 1 đến tuần 10 | Viết trên giấy |
| Cuối Học kỳ I | 90 phút | Tuần 17 | - Đáp ứng yêu cầu cần đạt các kiến thức trong chương từ tuần 1 đến tuần 18. | Viết trên giấy |
| Giữa Học kỳ II | 90 phút | Tuần 26 | - Đáp ứng yêu cầu cần đạt các kiến thức trong chương từ tuần 19 đến tuần 26. | Viết trên giấy |
| Cuối Học kỳ II | 90 phút | Tuần 34 | - Đáp ứng yêu cầu cần đạt các kiến thức trong chương từ tuần 19 đến tuần 35 | Viết trên giấy |

**Lớp 8 :**

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa  Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 9 | – Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã học trong hai chương Đa thức và Tứ giác  – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong chương Đa thức và Tứ giác  – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn | Trắc nghiệm và Tự luận |
| Cuối  Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 18 | – Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kì I  – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong học kì I  – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn | Trắc nghiệm và Tự luận |
| Giữa  Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 26 | – Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã học trong chương Phân thức đại số và Tam giác đồng dạng  – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong chương Phân thức đại số và Tam giác đồng dạng  – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn | Trắc nghiệm và Tự luận |
| Cuối  Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 35 | – Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kì II  – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong học kì II  – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn | Trắc nghiệm và Tự luận |

**Lớp 9 :**

1. **Kiểm tra, đánh giá định kỳ:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa  Học kỳ 1 | Tuần 9 | Đầu tháng 11 | – Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã học trong chương phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất một ẩn, chương hệ thức lượng trong tam giác vuông  – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong chương phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất một ẩn, chương hệ thức lượng trong tam giác vuông  – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn | Trắc nghiệm và Tự luận |
| Cuối  Học kỳ 1 | Tuần 18 | Cuối tháng 12 | – Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kì I  – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong học kì I  – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn | Trắc nghiệm và Tự luận |
| Giữa  Học kỳ 2 | Tuần 26 | Đầu tháng 3 | – Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã học trong chương Hàm số () và đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp  – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong chương Hàm số () và đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp  – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn | Trắc nghiệm và Tự luận |
| Cuối  Học kỳ 2 | Tuần 35 | Cuối tháng 5 | – Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kì II  – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong học kì II  – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn | Trắc nghiệm và Tự luận |

**III. CÁC NỘI DUNG KHÁC (NẾU CÓ):**

**1/ Ngoại khóa :**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề**  **(1)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(2)** | **Số tiết**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Địa điểm**  **(5)** | **Chủ trì**  **(6)** | **Phối hợp**  **(7)** | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** |
| 1 | Giao lưu tập thể:  “RUNG CHUÔNG VÀNG:  Toán học và thực tiễn” | - Hiểu được vai trò của toán học đối với thực tiễn.  - Giải quyết được một số tình huống trong thực tiễn bằng kiến thức toán học hiện có. | 3 | Tuần 28 | Hội trường | GV Toán 6 | GVCN 6  và các GV của tổ | Máy chiếu  Bảng phụ  Phiếu câu hỏi và trả lời. |

**2. Bồi dưỡng học sinh giỏi:**

a) Mục đích:

- Giúp các em học sinh có điều kiện học tập, phát triển tư duy, sáng tạo, có thái độ học tập đúng đắn, tự nghiên cứu, tìm tòi, tham khảo tài liệu.

- Giúp các em có phương pháp học tập tích cực trong các bộ môn, kích thích sự phát triển thông minh, ham hiểu biết, không ỷ lại.

- Giúp cho các em có năng khiếu bộ môn có cơ hội tiếp cận những vấn đề nâng cao và sâu hơn, qua đó tạo cho các em niềm đam mê và yêu thích môn học.

- Giúp các em  có cơ hội rèn luyện, phấn đấu trở thành học sinh giỏi xuất sắc phát triển toàn diện.

b) Thời gian thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ đầu năm.

- Triển khai kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi theo kế hoạch của nhà trường

- Theo dõi kết quả học tập của các em từ đó có nhiều biện pháp thích hợp để giúp giáo viên và học sinh dạy tốt và học tốt.

- Tổ chức bồi dưỡng cho đội tuyển từ kết quả kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi khối 7 năm học 2022 – 2023.

**3. Giúp đỡ học sinh yếu**

a) Mục đích:

- Giúp học sinh yếu – kém được ôn tập củng cố những kiến thức cơ bản để có cơ sở tiếp thu bài mới được tốt hơn, nâng cao kết quả học tập.

- Nhằm từng bước khắc phục tỉ lệ HS yếu, kém giảm so với năm học trước**,** nâng dần chất lượng dạy và học, hoàn thành giáo dục toàn diện của trường đạt chuẩn quốc gia.

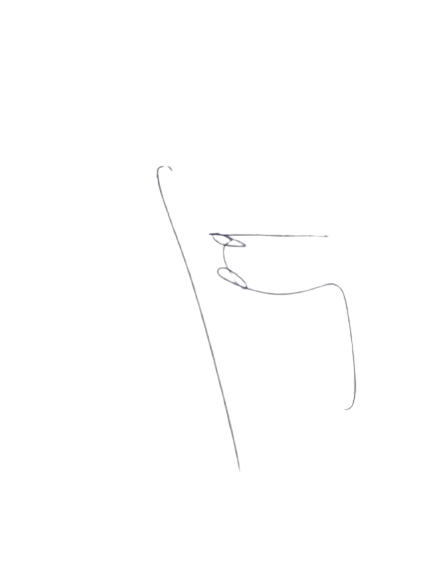
b) Thời gian thực hiện:

- Triển khai kế hoạch phụ đạo cho học sinh yếu, kém theo kế hoạch của nhà trường

- Theo dõi kết quả học tập của các em từ đó có nhiều biện pháp thích hợp để giúp giáo viên và học sinh dạy tốt và học tốt.

- Tổ chức phụ đạo những kiến thức cơ bản trong nội dung chương trình sách giáo khoa, đảm bảo chuẩn kiến thức – kỹ năng theo chủ đề bám sát để giúp học sinh nắm được kiến thức chắc chắn.

**TỔ TRƯỞNG DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU**

LÊ BÁ DŨNG

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)